

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM THÀNH KHUÊ

HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN
TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH QUA THỰC TIỄN
TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hoàng Thị Hải Yến**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH.....	4
1.1. Khái quát về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	4
1.1.1. Khái niệm hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	4
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	5
1.1.2.1. Khái niệm hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	5
1.1.2.2. Đặc điểm của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	5
1.1.2.3. Ý nghĩa của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	5
1.1.3. Các nguyên tắc của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	5
1.2. Khái quát pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	6
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	6
1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	6
1.2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	6
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	7
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	8
CHƯƠNG 2. NỘI DUNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN SẢN XUẤT, KINH DOANH.....	8
2.1. Nội dung quy định pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	8
2.1.1. Quy định pháp luật về chủ thể thực hiện công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh	8
2.1.1.1. Công chứng viên	8
2.1.1.2. Tổ chức hành nghề công chứng	8
2.1.2. Quy định pháp luật về hình thức công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	10
2.1.3. Quy định pháp luật về giá trị pháp lý hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh được công chứng	10
2.1.4. Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	11

2.1.4.1. Trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng soạn sẵn.....	11
2.1.4.2. Công chứng hợp đồng, giao dịch công chứng viên soạn thảo theo đề nghị người yêu cầu công chứng	11
2.1.5. Quy định pháp luật về phí, thù lao công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh và các chi phí khác.	12
2.1.5.1. Phí công chứng hợp đồng.....	12
2.2. Thực tiễn thực hiện hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị.....	12
2.2.1. Tình hình hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị.....	12
2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị	13
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	16
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH.....	17
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh.....	17
3.1.1. Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.....	17
3.1.2. Bảo đảm khả thi của văn bản quy phạm pháp luật.....	17
3.1.3. Bảo đảm an toàn pháp lý.....	17
3.1.4. Thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị	18
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan đến công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, thủ tục công chứng.....	18
3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về công chứng viên.....	18
3.2.1.2. Hoàn thiện quy định về tổ chức hành nghề công chứng.....	19
3.2.1.3. Hoàn thiện quy định về thủ tục công chứng.....	22
3.2.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật công chứng, nâng cao ý thức pháp luật công chứng.	23
3.2.3. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước.....	24
3.2.4. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm ..	25
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	26

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang có những bước đi hết sức quan trọng trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này mở ra nhiều cơ hội mới cho Việt Nam nhưng cũng đặt ra những thách thức vô cùng to lớn. Hoạt động vay vốn trong sản xuất, kinh doanh là một trong những lĩnh vực chịu sự ảnh hưởng lớn của quá trình hội nhập.

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp tự chủ và tùy thuộc vào hình thức sở hữu doanh nghiệp mà quyền tự chủ trong kinh doanh được mở rộng trong mức độ cho phép. Trong bình diện tài chính, mỗi doanh nghiệp tự tìm kiếm nguồn vốn trên thị trường và tự chủ trong việc sử dụng vốn. Nhu cầu về vốn của doanh nghiệp được thể hiện ở khâu thành lập doanh nghiệp, trong chu kỳ kinh doanh và khi phải đầu tư thêm. Giai đoạn nào doanh nghiệp cũng có nhu cầu về vốn. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong bất cứ lĩnh vực nào đều gắn liền với vốn, không có vốn thì không thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh được, chính vì vậy người ta thường nói vốn là chìa khoá để mở rộng và phát triển kinh doanh.

Trong các hoạt động ngân hàng thì cho vay là hoạt động truyền thống mang lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng nhưng cũng là hoạt động tiềm ẩn những rủi ro vô cùng lớn, thậm chí có thể gây sụp đổ hệ thống ngân hàng, tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế đất nước. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế đang diễn ra sâu rộng ở Việt Nam thì nguy cơ rủi ro càng cao. Để hạn chế được những rủi ro này, việc công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh có vai trò quan trọng. Bởi hoạt động này vừa bảo đảm cho việc quản lý nhà nước đối với các hợp đồng liên quan đến bất động sản, vừa đảm bảo cho quyền và lợi ích của các bên liên quan đến hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay thì vấn đề công chứng hợp đồng sản xuất, kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhất định, chưa khắc phục được những rủi ro trong các hợp đồng liên quan đến sản xuất, kinh doanh. Thủ tục công chứng chưa cụ thể, chi tiết, chưa thuận tiện, chưa có sự phối hợp với các thủ tục hành chính khác liên quan, khiến người yêu cầu công chứng phải mất nhiều thời gian, công sức; một số thủ tục công chứng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chưa hợp lý, chưa rõ ràng, thậm chí còn chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định của pháp luật liên quan, gây khó khăn, lúng túng công chứng viên khi hành nghề....

Vì các lí do trên, tôi chọn đề tài **“Hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị”** làm luận văn thạc sĩ của mình nhằm kiến nghị những giải pháp hoàn thiện pháp luật, bảo đảm thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị nói riêng và trên địa bàn cả nước nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ khi Luật Công chứng 2006 được Quốc hội thông qua, có thể kể tới một số công trình, bài viết nghiên cứu về hoạt động công chứng sau: “Nghiên cứu pháp luật về công chứng một số nước trên thế giới nhằm góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về công chứng ở Việt Nam hiện nay”, Luận

án tiên sĩ Luật học của tác giả Tuấn Đạo Thanh năm 2008; “Phân cấp quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực (Qua thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh)”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Phan Hải Hồ năm 2008; “Xã hội hóa công chứng ở Việt Nam hiện nay - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Quang Minh năm 2009; “Xã hội hóa công chứng ở Việt Nam hiện nay, thực trạng và giải pháp”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Thị Mai Trang năm 2011; Bồi thường thiệt hại do công chứng viên gây ra, Bài viết của tác giả Đỗ Văn Đại đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 14(199), tháng 7 năm 2011; Kiến nghị hoàn thiện Luật Công chứng, bài viết của tác giả Lê Quốc Hùng đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 1+2 (210+211), tháng 1 năm 2012; Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với văn phòng công chứng, bài viết của tác giả Phan Hải Hồ đăng trên tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 14 (222), tháng 7 năm 2012...

Hiện nay, sau khi Luật Công chứng 2014 được ban hành, liên quan đến hoạt động công chứng có rất ít các công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động công chứng, đáng kể có luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thanh Hà (2014), “Thực hiện pháp luật công chứng trên địa bàn thành phố Hà Nội”, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học quốc gia, Hà Nội.

Ngoài ra còn có một số công trình nghiên cứu ở các khía cạnh khác nhau về hình thức của hợp đồng vay tài sản như: Nguyễn Thị Hồng Thúy, “Pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học quốc gia Hà Nội, 2008; Nguyễn Thanh Hà “Thực hiện pháp luật công chứng trên địa bàn thành phố Hà Nội”, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, 2014; Sách chuyên khảo: PGS.TS Đỗ Văn Đại “Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án”, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam; PGS.TS Đỗ Văn Đại “Bình luận khoa học những điểm mới của bộ luật Dân sự 2015”, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam; PGS.TS Nguyễn Văn Cừ - PGS. TS Trần Thị Huệ “Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2015”, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội (2016).

Các đề tài, công trình nghiên cứu trên đã nghiên cứu những vấn đề mang tính tổng thể hoặc những khía cạnh, phạm vi cụ thể khác nhau của hoạt động công chứng nói chung, hoạt động công chứng hợp đồng nói riêng. Nhưng đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong phạm vi một địa phương cụ thể là địa bàn tỉnh Quảng Trị. Có thể khẳng định, đề tài “**Hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị**” là đề tài đầu tiên nghiên cứu về khía cạnh này.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục tiêu của đề tài

Luận văn nhằm nghiên cứu một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về lĩnh vực này nhằm đề ra một số kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nói riêng và trên cả nước nói chung.

3.2. Nhiệm vụ đề tài

- Phân tích và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Phân tích và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Trên cơ sở đó, tìm ra những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật, xác định được những bất cập, qua đó tiến hành tìm hiểu những nguyên nhân để đề xuất những giải pháp, kiến nghị cụ thể cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật đối với hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các quan điểm, các quy định pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu về thời gian: luận văn nghiên cứu lịch sử phát triển của pháp luật về công chứng nói chung; nghiên cứu pháp luật hiện hành về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo BLDS 2015, Luật Công chứng 2014 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Về thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, luận văn nghiên cứu số liệu thống kê trong 05 năm gần đây.

- Phạm vi nghiên cứu về không gian: luận văn nghiên cứu tìm hiểu các quy định về công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong pháp luật Việt Nam hiện hành. Khảo sát, đánh giá thực tế thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong phạm vi địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian 05 năm gần đây.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng luận văn đã được thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng. Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...
- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê,...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Luận văn góp phần vào việc xây dựng luận cứ khoa học trong quá trình hoàn thiện pháp luật và đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Góp phần giúp chính quyền và các cơ quan ban ngành nghiên cứu hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn:

Cơ cấu của luận văn ngoài Phần mở đầu, Phần kết luận thì Phần nội dung gồm 03 chương:

Chương 1. *Một số vấn đề lý luận và pháp luật điều chỉnh hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh*

Chương 2. *Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh*

Chương 3. *Định hướng bảo đảm thực hiện và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh*

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH

1.1. Khái quát về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

1.1.1. Khái niệm hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Theo từ điển tiếng Việt thì “vay” được hiểu là nhận tiền hay cái gì của người khác để sử dụng với điều kiện sẽ trả lại bằng cái cùng loại có số lượng hoặc giá trị tương đương hoặc có thêm phần lãi.

Điều 471 BLDS 2005 cũng như Điều 463 BLDS 2015 đều quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Thông thường, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cho vay là các tổ chức tín dụng, trong đó chủ yếu là các ngân hàng thì hợp đồng vay vốn được gọi là hợp đồng tín dụng. Tại khoản 16 Điều 4 Luật các TCTD năm 2010, có hiệu lực từ 01/01/2011 quy định: “*Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi*”.

Từ các nội dung trên, có thể hiểu hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao vốn (tiền, tài sản...) cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả vốn cho bên cho vay và trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định, nhằm bổ sung vốn phục vụ nhu cầu của cá nhân, tổ chức có đủ nguồn vốn, bổ sung nguồn vốn thiếu hụt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

1.1.2.1. Khái niệm hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh là hoạt động của công chứng viên thuộc tổ chức hành nghề công chứng thực hiện hành vi chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng vay vốn bằng văn bản mà theo quy định pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng, nhằm phục vụ nhu cầu của cá nhân, tổ chức có đủ nguồn vốn, bổ sung nguồn vốn thiếu hụt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.2.2. Đặc điểm của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh có đầy đủ các đặc điểm của hoạt động công chứng như:

Thứ nhất, hoạt động công chứng vừa mang tính công quyền vừa mang tính chất dịch vụ công.

Thứ hai, hoạt động công chứng là hoạt động mang tính chuyên môn, nghề nghiệp cao.

Thứ ba, hoạt động công chứng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Hoạt động công chứng là hoạt động mang tính dịch vụ công.

1.1.2.3. Ý nghĩa của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Hoạt động công chứng hợp đồng, giao dịch nói chung và hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh nói riêng có các chức năng cơ bản sau:

Thứ nhất, chức năng phòng ngừa của hoạt động công chứng. Chứng nhận các hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật là việc công chứng viên, bằng nghiệp vụ chuyên môn của mình xác nhận tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch. Đặc điểm này của hoạt động công chứng quy định chức năng phòng ngừa các tranh chấp trong hợp đồng, giao dịch đã được công chứng.

Thứ hai, chức năng cung cấp chứng cứ của hoạt động công chứng. Nội hàm của khái niệm công chứng là tạo lập nên một loại chứng cứ viết, có giá trị pháp lý cao.

Thứ ba, văn bản công chứng có giá trị chứng cứ và giá trị thực hiện. Văn bản công chứng trước hết nhằm tạo lập giá trị thực hiện giữa các bên tham gia giao dịch, hợp đồng bằng việc ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên, là căn cứ pháp lý không thể bác bỏ buộc các bên phải thực hiện đúng các cam kết đã xác lập.

1.1.3. Các nguyên tắc của hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Trong hoạt động công chứng hợp đồng, giao dịch dân nói chung, công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh nói riêng phải tuân thủ theo nguyên tắc nhất

định. Nguyên tắc hành nghề công chứng được quy định tại Điều 3 Luật Công chứng 2014 như sau:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật;
- Khách quan, trung thực;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về văn bản công chứng;
- Tuân theo quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

Các nguyên tắc hành nghề công chứng nêu trên có quan hệ mật thiết, bổ trợ cho nhau và không thể thiếu trong hoạt động công chứng.

1.2. Khái quát pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành để điều chỉnh những vấn đề liên quan hoạt động của công chứng viên trong tổ chức hành nghề công chứng trong thực hiện hành vi chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng vay vốn bằng văn bản mà theo quy định pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng, nhằm phục vụ nhu cầu của cá nhân, tổ chức có đủ nguồn vốn, bổ sung nguồn vốn thiếu hụt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau: pháp luật về công chứng, pháp luật dân sự về hình thức hợp đồng vay tài sản, pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.

Thứ hai, cơ sở pháp lý của quy định pháp luật hiện hành về công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh là các quy định của Hiến pháp về quyền của cá nhân, tổ chức trong vay vốn sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, cơ sở pháp lý của quy định pháp luật hiện hành về công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh bao gồm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự về giao kết hợp đồng. Có 5 nguyên tắc đó là: (1) nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận; (2) nguyên tắc thiện chí, trung thực; (3) nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự; (4) nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; (5) nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự (trong đó có quyền sở hữu).

Thứ tư, cơ sở pháp lý của quy định pháp luật hiện hành về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh còn là các nguyên tắc hành nghề công chứng được quy định tại Điều 3 Luật Công chứng 2014, gồm: Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; khách quan, trung thực; chịu trách nhiệm trước pháp luật về văn bản công chứng; tuân theo quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

• Khung pháp luật điều chỉnh hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Hiện nay, hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh bao gồm:

- Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Luật Công chứng năm 2014;
- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010;
- Luật Các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung 2017;
- Luật Doanh nghiệp 2014;
- Luật Phí và lệ phí năm 2015;
- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 Về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/03/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng 2014
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí
- Thông tư số 04/2015/TT-BTP Ngày 15-04-2015 về Hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.
- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/06/2015 hướng dẫn thi hành Luật Công chứng 2014
- Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày/ 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.
- Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-NHNN ngày 22/05/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hợp nhất Quyết định ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng

Nội dung cơ bản của pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh bao gồm:

- Chủ thể thực hiện công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh;
- Hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh được công chứng bắt buộc và hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh được các chủ thể tự nguyện công chứng;
- Giá trị pháp lý hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh được công chứng;
- Trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh;
- Phí, thù lao công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh và các chi phí khác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Luật Công chứng 2014 thay thế Luật Công chứng 2006 có nhiều quy định mới có tác động đến tổ chức và hoạt động công chứng, chế độ hành nghề của đội ngũ công chứng viên, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan. Tinh thần của Luật là tiếp tục phát triển mạnh mẽ xã hội hóa hoạt động công chứng, nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ công chứng viên để ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kỳ mới và hội nhập quốc tế; tăng cường vai trò tự quản của tổ chức xã hội nghề nghiệp của công chứng viên; bồi dưỡng nghề công chứng đối với đối tượng miễn đào tạo nghề công chứng, miễn tập sự; kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng; chuyên nhượng, sáp nhập, hợp nhất Văn phòng công chứng, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên... Luật Công chứng 2014 với các quy định cụ thể và cởi mở, từ khi có hiệu lực đã tạo điều kiện cho hoạt động công chứng hợp đồng, giao dịch nói chung và hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh nói riêng nhằm hướng tới lợi ích không chỉ đối với Nhà nước mà còn đối với cá nhân, tổ chức, đặc biệt là các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN SẢN XUẤT, KINH DOANH

2.1. Nội dung quy định pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

2.1.1. Quy định pháp luật về chủ thể thực hiện công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

2.1.1.1. Công chứng viên

Hoạt động công chứng do công chứng viên thực hiện. Để trở thành công chứng viên, cá nhân phải là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến Pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn cần có của công chứng viên được quy định tại Điều 8 Luật Công chứng 2014

2.1.1.2. Tổ chức hành nghề công chứng

Luật Công chứng 2014 quy định tại Điều 23 hình thức tổ chức hành nghề công chứng bao gồm phòng công chứng và văn phòng công chứng. Việc quy định cụ thể về tổ chức hành nghề công chứng như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc thành lập tổ chức hành nghề công chứng

– Việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng phải tuân theo quy định của pháp luật và phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

– Phòng công chứng chỉ được thành lập mới tại những địa bàn chưa có điều kiện phát triển được Văn phòng công chứng.

– Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

Thứ hai, đối với phòng công chứng.

– Phòng công chứng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

– Phòng công chứng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng.

Người đại diện theo pháp luật của Phòng công chứng là Trưởng phòng. Trưởng phòng công chứng phải là công chứng viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

– Tên gọi của Phòng công chứng bao gồm cụm từ “Phòng công chứng” kèm theo số thứ tự thành lập và tên của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Phòng công chứng được thành lập.

– Phòng công chứng sử dụng con dấu không có hình quốc huy. Phòng công chứng được khắc và sử dụng con dấu sau khi có quyết định thành lập. Thủ tục, hồ sơ xin khắc dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Phòng công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu.

Thứ ba, đối với văn phòng công chứng

– Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh. Văn phòng công chứng phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên. Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn.

– Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng là Trưởng Văn phòng. Trưởng Văn phòng công chứng phải là công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng và đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên.

– Tên gọi của Văn phòng công chứng phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng” kèm theo họ tên của Trưởng Văn phòng hoặc họ tên của một công chứng viên hợp danh khác của Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh thỏa thuận, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không được vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

– Văn phòng công chứng phải có trụ sở đáp ứng các điều kiện do Chính phủ quy định.

– Văn phòng công chứng có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính bằng nguồn thu từ phí công chứng, thù lao công chứng và các nguồn thu hợp pháp khác.

– Văn phòng công chứng sử dụng con dấu không có hình quốc huy. Văn phòng công chứng được khắc và sử dụng con dấu sau khi có quyết định cho phép thành lập. Thủ tục, hồ sơ xin khắc dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu.

Tổ chức hành nghề công chứng có các quyền sau:

- Thuê nhân viên làm việc cho tổ chức hành nghề công chứng.
- Thu phí công chứng, thù lao công chứng, chi phí khác.
- Các quyền khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổ chức hành nghề công chứng có các nghĩa vụ sau:

- Niêm yết lịch làm việc, thủ tục công chứng, phí công chứng, thù lao công chứng, nội quy tiếp người yêu cầu công chứng tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

- Thực hiện chế độ làm việc theo ngày, giờ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước.
- Chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, thống kê.
- Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc báo cáo, kiểm tra, thanh tra.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi mà công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng gây ra cho người yêu cầu công chứng.
- Lưu trữ hồ sơ công chứng.
- Văn phòng công chứng có nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên của tổ chức mình.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.1.2. Quy định pháp luật về hình thức công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

Đối với hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh, bản chất là hợp đồng vay tài sản. BLDS 2015 không quy định về hình thức bắt buộc của loại hợp đồng vay tài sản, đồng thời tiếp tục kế thừa BLDS 2005 trong việc thừa nhận hình thức của hợp đồng vay tài sản có thể bằng lời nói hoặc bằng văn bản.

Hợp đồng tín dụng về bản chất là những hợp đồng cho vay tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 (BLDS). Tuy nhiên, chỉ gọi là hợp đồng tín dụng trong trường hợp bên cho vay là các tổ chức tín dụng (TCTD), trong đó chủ yếu là các ngân hàng (sau đây gọi chung là ngân hàng).

Theo quy định trên thì hợp đồng tín dụng sẽ có một số đặc điểm sau đây:

- Về chủ thể, bên cho vay bắt buộc phải là tổ chức tín dụng, có đủ điều kiện luật định, còn bên vay có thể là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác có đủ điều kiện vay vốn do pháp luật quy định.
- Về hình thức, hợp đồng tín dụng ngân hàng luôn luôn được lập thành văn bản. Hợp đồng tín dụng có thể được công chứng, chứng thực phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên.
- Về đối tượng, hợp đồng tín dụng ngân hàng có đối tượng là những khoản vốn được thể hiện dưới hình thức tiền tệ.

2.1.3. Quy định pháp luật về giá trị pháp lý hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh được công chứng

Theo Điều 5 của Luật Công chứng 2014 có qui định về giá trị pháp lý của văn bản công chứng như sau:

1. Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng.
2. Hợp đồng, giao dịch được công chứng có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác.

3. Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu.

4. Bản dịch được công chứng có giá trị sử dụng như giấy tờ, văn bản được dịch.

Một cách khái quát, ta thấy rằng hợp đồng được công chứng có hai giá trị cơ bản là giá trị thi hành (giá trị thực hiện) và giá trị chứng cứ.

2.1.4. Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

2.1.4.1. Trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng soạn sẵn

Để đảm bảo hợp đồng công chứng có hiệu lực ta phải thực hiện đúng theo trình tự thủ tục được quy định trong luật. Cụ thể theo điều 40 Luật Công chứng 2014, đối với công chứng hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn. Hồ sơ yêu cầu công chứng được lập thành một bộ, gồm các giấy tờ sau theo quy định.

Về người yêu cầu công chứng chứng thực có thể là cá nhân, tổ chức của Việt Nam và người nước ngoài. Trong trường hợp người yêu cầu công chứng chứng thực là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật; nếu tổ chức thì người yêu cầu công chứng, chứng thực phải là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức đó. Trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng, chứng thực phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định phải có người làm chứng nhưng người yêu cầu công chứng, chứng thực không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng.

Người làm chứng do người yêu cầu công chứng, chứng thực chỉ định; nếu họ không chỉ định được hoặc trong trường hợp khẩn cấp, thì người thực hiện công chứng, chứng thực chỉ định người làm chứng.

2.1.4.2. Công chứng hợp đồng, giao dịch công chứng viên soạn thảo theo đề nghị người yêu cầu công chứng

Người yêu cầu công chứng nộp một bộ hồ sơ yêu cầu công chứng, gồm các giấy tờ sau đây:

- Phiếu yêu cầu công chứng, trong đó có thông tin về họ tên, địa chỉ người yêu cầu công chứng, nội dung cần công chứng, danh mục giấy tờ gửi kèm theo; tên tổ chức hành nghề công chứng, họ tên người tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

- Dự thảo hợp đồng;
- Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng;
- Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó;

- Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định phải có.

- Bản sao như nêu trên là bản chụp, bản in, bản đánh máy hoặc bản đánh máy vi tính nhưng phải có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính và không phải có chứng thực.

2.1.5. Quy định pháp luật về phí, thù lao công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh và các chi phí khác.

2.1.5.1. Phí công chứng hợp đồng

Người yêu cầu công chứng hợp đồng phải nộp phí công chứng. Mức thu, chế độ thu, nộp, sử dụng và quản lý phí công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo Điều 3 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thu phí, lệ phí gồm:

- Phòng Công chứng là tổ chức thu phí công chứng, phí chứng thực.
- Văn phòng công chứng là tổ chức thu phí công chứng, phí chứng thực.
- Cục Bổ trợ tư pháp (Bộ Tư pháp) là tổ chức thu phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng.
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở Tư pháp) là tổ chức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng và lệ phí cấp thẻ công chứng viên.

2.2. Thực tiễn thực hiện hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị

2.2.1. Tình hình hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị

Hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 06 tổ chức hành nghề công chứng, trong đó: 02 Phòng Công chứng, 04 Văn phòng Công chứng; Phòng Công chứng số 2 và các Văn phòng Công chứng hiện nay có 02 công chứng viên đang hành nghề. Riêng Phòng Công chứng số 1 mới có 01 công chứng viên.

So với trước khi có Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020”, số lượng tổ chức hành nghề công chứng tăng 03 tổ chức hành nghề công chứng (01 Phòng Công chứng và 02 Văn phòng Công chứng).

Từ 01/01/2012 đến cuối năm 2017, toàn tỉnh có trên 80 ngàn vụ việc công chứng hợp đồng, giao dịch, trong đó: năm 2012: 8.157 vụ việc, năm 2014: 15.654 vụ việc, năm 2015: 18160 vụ việc; năm 2017: toàn tỉnh có 21537 vụ việc công chứng, riêng phòng Công chứng số 01 tỉnh đã thực hiện 7612 hợp đồng, giao dịch dân sự và các trường hợp khác; Phòng Công chứng số 02 tỉnh đã thực hiện 4642 hợp đồng, giao dịch dân sự và các trường hợp khác. Các hợp đồng, giao dịch được thực hiện công chứng tập trung ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển của tỉnh (Thành phố Đông Hà, Thị xã Quảng Trị, các huyện Vĩnh Linh, Hướng Hóa, Triệu Phong). Như vậy, trong gần 07 năm qua, số lượng vụ việc công chứng các hợp đồng, giao dịch tăng đều theo từng năm, hoạt động công chứng về cơ bản ổn định và đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, tổ chức sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh.

Đặc biệt, số lượng công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tăng nhanh rõ rệt, chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong tổng số các hợp đồng, giao dịch thực hiện công chứng trong địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể như sau: năm 2012 số lượng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh là 527 văn bản đến năm 2017 số lượng hợp đồng vay vốn đã công chứng tăng lên 2594, gấp 5 lần trong 5 năm. Tỷ lệ hợp đồng vay vốn được công chứng so với tổng số các hợp đồng giao dịch cũng tăng dần qua từng năm. Đặc biệt, cả về số lượng cũng như tỉ lệ so với tổng số hợp đồng, giao dịch được công chứng, số hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh được công chứng tăng nhanh theo từng năm. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện phát triển hiện tại của địa phương. Đồng thời, nhận thức của người dân, tổ chức về hoạt động công chứng được nâng cao rõ rệt. Người dân nhận thức được rằng, khi những thỏa thuận trong các giao dịch được công chứng, chứng thực, đương nhiên sẽ làm tăng độ an toàn của các giao dịch dân sự, đồng thời, hạn chế rủi ro có thể xảy ra.

Như vậy có thể thấy rằng, hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là công chứng hợp đồng vay vốn trong những năm gần có sự phát triển mạnh. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình phát triển và nhu cầu ngày càng cao của người dân, tổ chức.

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị

Thứ nhất: Số lượng những văn bản công chứng bị tuyên bố vô hiệu vẫn còn tồn tại và hậu quả pháp lý

Trong Luật Công chứng có quy định Tòa án được quyền tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Theo quy định tại Điều 52, Luật Công chứng 2014 về người được đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu như sau: “*Công chứng viên, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người có quyền lợi ích liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật*”.

Tình trạng văn bản công chứng bị tuyên bố vô hiệu, đặc biệt là các văn bản công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh bị tuyên bố vô hiệu là không nhiều, tuy nhiên vẫn tồn tại và có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây.

Thứ hai: Một số vi phạm của công chứng viên trong quá trình thực hiện công chứng hợp đồng vay vốn vẫn còn tồn tại

Việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng: Khi công dân, tổ chức đến yêu cầu công chứng và cung cấp các giấy tờ liên quan thì công chứng viên tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng, nội dung trong hợp đồng, giao dịch được công chứng (theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 40, khoản 2 Điều 41 Luật Công chứng 2014). Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều trường hợp do quen biết, là khách hàng thân thiết nên công chứng viên đã “cho nợ”, “cho bỏ sung sau” các giấy tờ có liên quan như bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, văn bản thống nhất của các đồng sở hữu, thành viên (đối với doanh nghiệp)... dẫn đến sau khi xong việc thì người yêu cầu công chứng không thực hiện việc bỏ sung hồ sơ, tổ chức công

chúng cũng quên việc liên hệ để yêu cầu bổ sung các giấy tờ còn thiếu vào hồ sơ lưu trữ.

- *Về lời chứng của công chứng viên:* Công chứng viên khi thực hiện công chứng phải tuân thủ đúng về lời chứng theo khoản 1, Điều 6 Luật Công chứng. Thực tế cho thấy, hầu hết lời chứng của công chứng viên trong các hợp đồng, giao dịch không đầy đủ các nội dung, như: “*không ghi xác nhận đối tượng của hợp đồng, giao dịch là có thật, chữ ký trong hợp đồng, giao dịch là đúng chữ ký của người tham gia hợp đồng, giao dịch*”; đồng thời, có nội dung lời chứng chỉ ghi “*phù hợp với pháp luật, đạo đức xã hội*”, có trường hợp một số lời chứng của công chứng viên còn sử dụng ngay mẫu có sẵn của các tổ chức tín dụng tự soạn thảo trong các hợp đồng thế chấp vay vốn có nội dung không đúng quy định của pháp luật.

- *Thực hiện công chứng văn bản hợp đồng do người yêu cầu công chứng soạn thảo:* Về nguyên tắc, sau khi tiếp nhận dự thảo hợp đồng được người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn, công chứng viên cần tiến hành kiểm tra hợp đồng, giao dịch nếu có nội dung, điều khoản vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, đối tượng của hợp đồng không phù hợp với thực tế thì công chứng viên phải chỉ rõ cho người yêu cầu công chứng để sửa chữa. Tuy nhiên, nhiều hợp đồng khách hàng là những đối tượng quen biết, khách hàng thường xuyên của đơn vị nên công chứng viên thường chủ quan không kiểm tra theo đúng quy trình dẫn đến có nhiều hợp đồng, giao dịch vi phạm về đối tượng tham gia hợp đồng (*đối tượng không chính xác*)...

- *Việc các bên ký vào hợp đồng, giao dịch:* Trong thực tế, nhiều trường hợp công chứng viên tại các tổ chức hành nghề công chứng chưa thực hiện nghiêm túc quy định trong việc yêu cầu người yêu cầu công chứng ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch, nhất là các hợp đồng đảm bảo để thực hiện các hợp đồng vay vốn, thường đại diện bên nhận đảm bảo (*các tổ chức tín dụng*) không ký vào từng trang của hợp đồng (*chỉ ký vào trang cuối*) hoặc cán bộ tín dụng ký vào từng trang hợp đồng.

- *Về sửa lỗi kỹ thuật trong hợp đồng:* Trong thực tế cho thấy nhiều hợp đồng việc sửa lỗi kỹ thuật còn rất tùy tiện, sửa lỗi bằng cách dùng bút xóa nội dung không phù hợp và viết đè nội dung khác lên; viết thêm nội dung vào, gạch bỏ hẳn một đoạn; viết chèn dòng, viết chèn số, chèn chữ (*các hợp đồng được các tổ chức hành nghề công chứng sửa lỗi kỹ thuật nhiều nhất là những hợp đồng được các tổ chức tín dụng soạn thảo*).

- *Về nội dung hợp đồng:* Các hợp đồng vay vốn trước khi được các bên ký kết, được công chứng viên ký công chứng phải đảm bảo về mục đích và nội dung của hợp đồng đúng quy định của pháp luật về công chứng cũng như pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, trong thực tế công chứng viên của một số Văn phòng công chứng khi thực hiện công chứng hợp đồng đã không xem kỹ các quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến một số vi phạm.

Thứ ba: Về đội ngũ công chứng viên

- *Về số lượng:* Năm 2012, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 05 Công chứng viên/03 tổ chức hành nghề công chứng, đến nay, toàn tỉnh có 11 Công chứng viên/06 tổ chức hành nghề công chứng. Như vậy, trong khoảng thời gian 05 năm, số lượng công chứng viên của tỉnh chỉ tăng thêm 06 công chứng viên. Qua đó có thể thấy, số lượng công chứng viên trên địa bàn tỉnh còn ít, phát triển chậm do đó

khó đáp ứng với quy hoạch phát triển thêm 15 công chứng viên trong giai đoạn 2017 – 2020 tiếp theo. Trong khi đó, phải mất nhiều thời gian mới có thể đào tạo, bổ nhiệm được một Công chứng viên. Theo quy định của pháp luật, để đào tạo và bổ nhiệm được một công chứng viên phải mất ít nhất 7 năm, do đó, việc bổ sung nguồn công chứng viên còn nhiều khó khăn dẫn đến đội ngũ công chứng viên còn thiếu về số lượng.

- Về chất lượng: Số lượng công chứng viên đã qua đào tạo nghề công chứng và tập sự hành nghề công chứng trước khi được bổ nhiệm công chứng viên không nhiều (03/11 công chứng viên); đa số công chứng viên là cán bộ về hưu, thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề, miễn tập sự hành nghề công chứng. Vì vậy, nghiệp vụ công chứng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động công chứng còn hạn chế. Mặt khác, các công chứng viên trên địa bàn tỉnh chưa có điều kiện để tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng trong khi hệ thống pháp luật về công chứng và các quy định pháp luật có liên quan có nhiều thay đổi nên ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động công chứng, từ đó dẫn đến việc một bộ phận công chứng viên hạn chế về kỹ năng, nghiệp vụ.

Thứ tư: Về tổ chức hành nghề công chứng

Theo Quyết định số 2104/QĐ-TTg ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020”, tỉnh Quảng Trị sẽ quy hoạch thành lập 7 tổ chức hành nghề công chứng. Tuy nhiên, hiện nay trên toàn tỉnh Quảng Trị có 6 tổ chức hành nghề công chứng.

Thứ năm: Đối với việc thành lập Hội công chứng viên

Theo quy định của Luật công chứng năm 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành, các địa phương được thành lập Hội công chứng viên của tỉnh để tiến tới thành lập Hiệp hội công chứng viên Việt Nam; các công chứng viên phải tham gia Hội công chứng viên trước khi đăng ký hành nghề công chứng ở những nơi đã có Hội công chứng viên. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về thành lập Hội, thì việc gia nhập Hội là trên cơ sở tự nguyện của các Hội viên. Tại Quảng Trị, mặc dù Sở Tư pháp đã tích cực tham mưu đề xuất, tạo điều kiện thuận lợi để xúc tiến việc thành lập Hội, tổ chức các cuộc họp bầu Ban vận động thành lập Hội để đứng ra vận động và tổ chức Đại hội, đến nay tuy đã bầu được Trưởng ban vận động nhưng vẫn chưa thành lập được Hội công chứng viên của tỉnh.

Thứ sáu: Về thủ tục công chứng còn rườm rà, gây nhiều khó khăn cho người dân

Hiện nay, theo quy định của pháp luật, người dân muốn vay vốn ngân hàng để sản xuất nông nghiệp với số tiền từ 50 triệu đồng trở lên phải thế chấp bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có công chứng. Thủ tục cho vay vốn với hình thức thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình bắt buộc tất cả thành viên trong hộ gia đình phải cùng kí tên trước mặt công chứng viên thì mới cho vay vốn. Điều này gây khó khăn cho người vay vốn, bởi, trên thực tế có những trường hợp do hoàn cảnh các thành viên trong hộ gia đình phải làm ăn, sinh sống ở địa phương khác nên không có mặt đầy đủ để hoàn thành thủ tục.

Đối với hợp đồng vay vốn, không có một quy định pháp luật hiện hành nào quy định loại hợp đồng này phải công chứng. Tuy nhiên, hợp đồng vay vốn trong

sản xuất, kinh doanh giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tổ chức hoặc giữa cá nhân với các tổ chức tín dụng thường phải công chứng hoặc chứng thực giao dịch bảo đảm nghĩa vụ trả tiền vay. Hiện nay trên cả nước nói chung và ở Quảng Trị nói riêng, hợp đồng đảm bảo để vay vốn đã được công chứng nhưng vẫn thường tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất định, đặc biệt là đối với hợp đồng thế chấp tài sản là bất động sản để vay vốn. Trong trường hợp một người độc thân đến Phòng công chứng hoặc Văn phòng công chứng đề nghị công chứng hợp đồng bảo đảm với tổ chức tín dụng thì yêu cầu trước tiên là phải chứng minh tài sản đó có thuộc quyền ở hữu của người đó không, và điều quan trọng hơn cả là phải chứng minh là đang độc thân (nghĩa là không phải tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng). Đây là điều rất khó khăn đối với trường hợp người đó đã từng sinh sống, cư trú qua nhiều địa phương khác nhau.

Thứ bảy: Sự chồng chéo trong các quy định của pháp luật có liên quan

Thông thường, các hợp đồng, giao dịch bảo đảm liên quan đến các bên, đó là các tổ chức tín dụng và công dân, tổ chức có nhu cầu vay vốn. Theo quy định hiện hành về hợp đồng kinh tế thì hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa các bên có liên quan không có quy định không bắt buộc phải xác định về giá trị tài sản mà bên bảo đảm đưa ra làm tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, theo quy định về công chứng thì việc xác định giá trị, tài sản trong giao dịch, hợp đồng bảo đảm là điều không thể thiếu. Từ đó đã gây khó khăn, bất cập cho chính các tổ chức tín dụng và bên muốn vay vốn, thông qua hình thức bảo đảm các tài sản.

Thứ tám: Việc giả mạo trong hoạt động công chứng, đặc biệt là giả mạo giấy tờ trong công chứng hợp đồng vay vốn

Việc giả mạo trong hoạt động công chứng rất đáng lo ngại và đã gây nên hậu quả nặng nề cho xã hội. Đã có những trường hợp một người dùng giấy tờ giả, thủ đoạn khác nhau để “qua mặt” nhiều công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng khác nhau; Có rất nhiều trường hợp công chứng viên là nạn nhân không phải chỉ riêng các văn phòng công chứng mà kể cả công chứng của các Phòng công chứng nhà nước. Thực tế tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã phát hiện rất nhiều trường hợp làm giả giấy tờ, phổ biến nhất là chủ quyền nhà đất, chứng minh nhân dân...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua nội dung quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho thấy qua gần 05 năm thi hành, việc thực hiện pháp luật công chứng cho thấy vẫn còn những bất cập, hạn chế nhất định như: Tiêu chuẩn công chứng viên quy định còn đơn giản; thời gian đào tạo nghề ngắn, cơ sở đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu; chưa quy định về quyền, nghĩa vụ của công chứng viên, đối tượng miễn đào tạo nghề, miễn tập sự hành nghề công chứng rộng nên chất lượng công chứng viên được bổ nhiệm thấp, có nhiều sai sót khi công chứng hợp đồng giao dịch. Thủ tục công chứng chưa cụ thể, chi tiết, chưa thuận tiện, chưa có sự phối hợp, liên thông với các thủ tục hành chính khác liên quan; một số thủ tục công chứng chưa hợp lý, còn chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định của pháp luật... Để thực hiện pháp luật công chứng đi vào cuộc sống, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả nhận thấy cần thiết cần xây dựng một số

định hướng và giải pháp cụ thể bảo đảm thực hiện pháp luật công chứng nói chung và công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG VAY VỐN TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh

3.1.1. Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật

Tính thống nhất được đặt ra đối với cả hệ thống pháp luật cũng như đối với từng văn bản quy phạm pháp luật và quy phạm pháp luật.

Các quy định của pháp luật về công chứng không chỉ được quy định trong Luật Công chứng, mà còn được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau: Bộ luật Dân sự, Luật đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản, Luật hôn nhân và gia đình, Luật doanh nghiệp, Luật hộ tịch, Luật kinh doanh bất động sản, Luật cư trú... Do đó, trong quá trình xây dựng pháp luật cần phải bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh quy định chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy phạm pháp luật trong cùng một đạo luật hoặc giữa các đạo luật khác nhau, văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của cơ quan cấp dưới không được mâu thuẫn với văn bản của cơ quan cấp trên, văn bản ban hành sau phải thống nhất với văn bản ban hành trước đó. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng hoặc các luật liên quan cần được đặt trong mối quan hệ tổng thể, thống nhất hữu cơ với nhau.

3.1.2. Bảo đảm khả thi của văn bản quy phạm pháp luật

Việc bảo đảm tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật là một yêu cầu rất quan trọng được đặt ra trong suốt quá trình xây dựng văn bản. Văn bản luật đó phải phản ánh đúng hiện thực khách quan. Luật phải phù hợp với trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật của nhân dân thì mới được xã hội chấp nhận, được nhân dân đồng tình, ủng hộ và tự nguyện thực hiện. Tiếp đó, các quy định của luật phải có bộ máy thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc kiểm tra, giám sát việc thực hiện, xử lý hành vi vi phạm và có đủ ngân sách, kinh phí để thực hiện. Đồng thời, cũng cần có những quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan trong thực hiện các quy định của luật. Cuối cùng, một trong những yêu cầu cũng rất quan trọng để bảo đảm tính khả thi của luật là các quy định của luật phải minh bạch, cụ thể, rõ ràng, chi tiết, có khả năng thi hành ngay mà không cần phải chờ quá nhiều văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; luật phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Thực hiện pháp luật công chứng phải quán triệt định hướng này nhằm giúp cho các quy định của pháp luật về công chứng đi vào cuộc sống, phát huy được hiệu quả.

3.1.3. Bảo đảm an toàn pháp lý

Thực hiện pháp luật công chứng cần bám sát định hướng này, coi đây là định hướng xuyên suốt trong toàn bộ nội dung của luật. Có như vậy chế định công

chúng mới có thể hoàn thành vai trò lịch sử của mình, đó là một "thẩm phán phòng ngừa", bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể pháp luật, hạn chế thấp nhất vi phạm pháp luật, ngăn chặn tranh chấp phát sinh. Công chứng viên được nhà nước giao nhiệm vụ bảo đảm sự an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch bắt buộc phải công chứng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng.

3.1.4. Thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp

Các quy định của pháp luật về công chứng cần quán triệt định hướng này trong việc xây dựng thủ tục công chứng. Cải cách hành chính không chỉ áp dụng trong các tổ chức hành nghề công chứng mà còn phải được áp dụng đối với tất cả những cơ quan liên quan đến hoạt động công chứng như công an, thuế, tài nguyên và môi trường...

Ngoài ra, cần quán triệt mạnh mẽ tinh thần cải cách tư pháp, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong hoạt động công chứng, có chính sách thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào lĩnh vực công chứng, tạo sự thuận lợi cho người dân trong việc lựa chọn tổ chức hành nghề công chứng. Đồng thời, có những chính sách, quan điểm cởi mở, tạo điều kiện cho văn phòng công chứng phát triển ổn định, bền vững.

3.2. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Trị

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan đến công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, thủ tục công chứng

3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện quy định về công chứng viên

Về tiêu chuẩn công chứng viên. Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, Luật Công chứng 2014 tại Điều 8 đã quy định chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn công chứng viên. Tuy nhiên, cần có quy định cụ thể về thời gian công tác pháp luật, nhất là đối với những người làm công tác pháp luật tại các cơ quan, đơn vị có quy mô nhỏ, khối lượng công việc không lớn nhằm nâng cao chất lượng công chứng viên.

Về đào tạo nghề công chứng cần được tính toán, cân nhắc trên cơ sở quy hoạch tổ chức hành nghề công chứng của địa phương đã được phê duyệt. Các công chứng viên được bổ nhiệm sẽ không thể hành nghề nếu không gắn với một tổ chức hành nghề công chứng nhất định, tránh trường hợp người được đào tạo nghề, được bổ nhiệm công chứng viên nhưng lại không được hành nghề, gây lãng phí công sức, tiền bạc của cá nhân, tổ chức.

Miễn đào tạo nghề công chứng so với Luật Công chứng 2014, đối tượng được miễn đào tạo nghề theo Luật Công chứng 2014 vẫn giữ nguyên, không thay đổi, nhưng đã nâng tiêu chuẩn của những người người được miễn đào tạo nghề. Đồng thời, Luật Công chứng 2014 cũng quy định, những người được miễn đào tạo nghề công chứng phải tham gia lớp bồi dưỡng nghề công chứng 03 tháng và phải được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng. Quy định này là cần thiết, nhằm trang bị các kỹ năng của nghề công chứng, hạn chế sai sót trong việc hành nghề sau này.

Tuy nhiên, cần bổ sung đối tượng được miễn đào tạo nghề công chứng đối với công chứng viên trước đây được nhà nước bổ nhiệm, nhưng trong quá trình công

tác được luân chuyển, điều động thực hiện nhiệm vụ khác; các nhân viên thư ký làm việc trên 05 năm tại các tổ chức hành nghề công chứng để thu hút, bổ sung thêm số lượng, chất lượng đội ngũ công chứng viên. Thực tế cho thấy, các nhân viên thư ký đảm nhiệm hầu hết các khâu trong thủ tục công chứng, hỗ trợ công chứng viên rất nhiều trong việc hoàn thành văn bản công chứng (từ tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thủ tục, tiến hành thủ tục...). Do đó, cần có văn bản hướng dẫn Luật Công chứng 2014 quy định việc miễn đào tạo nghề và tập sự cho đối tượng này, tạo nguồn nhân sự tại chỗ và kế cận cho lực lượng công chứng viên.

Tập sự hành nghề công chứng Việc quy định thời gian tập sự đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng là cần thiết nhưng cũng sẽ tạo ra rào cản, hạn chế sự tham gia của những đối tượng này trong lĩnh vực công chứng. Đây là những người có công việc và thu nhập ổn định, việc họ chuyển sang làm việc tại ngành nghề khác phải có những chính sách khuyến khích, ưu đãi, đồng thời ít rào cản, hạn chế. Nếu không thì việc thực hiện quy định này khó khả thi. Do đó, tác giả đề nghị quy định giảm thời gian tập sự của những người được miễn đào tạo nghề xuống 03 tháng, thay vì 06 tháng như Luật Công chứng 2014 quy định. Đồng thời, Chính phủ cần có chính sách ưu đãi đối với cá nhân (miễn/giảm thuế thu nhập cá nhân, ưu đãi tín dụng), ưu đãi với tổ chức hành nghề công chứng (miễn/giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi tín dụng, hỗ trợ thuê trụ sở...) để khuyến khích, thu hút người có trình độ, năng lực chuyên môn pháp luật tham gia trong hoạt động công chứng.

3.2.1.2. Hoàn thiện quy định về tổ chức hành nghề công chứng

Văn phòng công chứng Mô hình văn phòng công chứng đã quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng 2014. Theo tác giả, không nên hạn chế Văn phòng công chứng do 01 công chứng viên thành lập do đây là nhu cầu của người thành lập, việc từ 02 người trở lên tham gia cũng sẽ có những bất cập nhất định trong hoạt động, giống như các doanh nghiệp, nếu giữa các công chứng viên có sự bất đồng ý kiến. Nếu Văn phòng công chứng do 01 công chứng viên thành lập khiến người yêu cầu công chứng phải mất nhiều thời gian để thực hiện hợp đồng, giao dịch thì họ sẽ chuyển hồ sơ sang tổ chức hành nghề công chứng khác. Do vậy, các Văn phòng công chứng do 01 công chứng viên sẽ phải tự điều chỉnh, sắp xếp phù hợp để đáp ứng yêu cầu của người yêu cầu công chứng. Mặt khác, công chứng viên hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Tổ chức hành nghề công chứng có từ 02 công chứng viên trở lên không có nghĩa là người đứng đầu tổ chức hành nghề công chứng có quyền áp đặt về mặt chuyên môn đối với các công chứng viên khác. Về mặt bản chất, các công chứng viên luôn hoạt động độc lập mà không phụ thuộc vào mô hình tổ chức hành nghề công chứng có 01 hay nhiều công chứng viên. Lập luận về việc Văn phòng công chứng có 02 công chứng viên trở lên sẽ không làm gián đoạn tính pháp lý của các hồ sơ công chứng do công chứng viên này có thể tiếp quản công việc của công chứng viên kia là không chính xác. Ngay trong một tổ chức hành nghề công chứng, vẫn có rất nhiều trường hợp, cùng một yêu cầu công chứng, công chứng viên này thì từ chối tiếp nhận nhưng công chứng viên khác lại tiếp nhận. Do đó, không nên quy định hạn chế quyền của Văn phòng công chứng do 01 công chứng viên thành lập. Điều này cũng tương ứng với quy định về Văn phòng luật sư do một luật sư thành lập.

Ngoài ra, Luật Công chứng 2014 đã bổ sung quy định cho phép tổ chức hành nghề công chứng ký hợp đồng lao động với công chứng viên (khoản 1 Điều 32). Như vậy, các Văn phòng công chứng do 01 công chứng viên thành lập có thể bổ sung số lượng công chứng viên để không làm gián đoạn tính pháp lý của các hồ sơ công chứng trong hoạt động của Văn phòng mình. Đồng thời, nên cho phép Văn phòng công chứng có thành viên góp vốn. Giống như một doanh nghiệp, nhu cầu vốn để vận hành hoạt động của văn phòng công chứng là không thể tránh khỏi. Để thành lập một văn phòng công chứng, cần nguồn tài chính tương đối lớn để đầu tư cho việc thuê/mua trụ sở, đầu tư trang thiết bị, máy móc, tuyển dụng nhân viên, chi phí hành chính... Nhiều công chứng viên không có đủ điều kiện về tài chính để thành lập văn phòng công chứng. Ngoài ra, việc công chứng viên phải kiêm luôn nhiệm vụ quản lý sẽ khiến công chứng viên không tập trung được vào chuyên môn. Do đó, việc duy trì thành viên góp vốn là cần thiết, một mặt đóng góp tài chính cho hoạt động của văn phòng công chứng, mặt khác sẽ giúp đỡ, hỗ trợ công chứng viên trong việc quản lý, điều hành văn phòng. Tuy nhiên, để tránh trường hợp thành viên góp vốn lạm quyền, gây áp lực với các công chứng viên, Luật cần quy định rõ quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn nhằm bảo đảm sự độc lập của các công chứng viên trong quyết định chuyên môn.

Quy hoạch tổ chức hành nghề công chứng, Luật Công chứng 2014 đã bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng trong cả nước tại điểm b, khoản 2, Điều 69, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng quy hoạch: "Xây dựng, trình Chính phủ ban hành chính sách phát triển nghề công chứng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng trong cả nước"

Theo quan điểm của tác giả, không nên quy hoạch các tổ chức hành nghề công chứng, đây là một yếu tố gây cản trở cho quá trình xã hội hóa, thu hút nguồn lực tư nhân đầu tư trong lĩnh vực công chứng. Khi tư nhân tham gia hoạt động công chứng, mong muốn của họ là địa bàn nơi đặt trụ sở phải có nhiều giao dịch, để đạt được doanh thu cao, nếu hạn chế số lượng tổ chức hành nghề công chứng trên một địa bàn sẽ không khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực công chứng, tạo cơ chế xin cho khi thành lập tổ chức hành nghề công chứng. Quy hoạch là mong muốn các tổ chức hành nghề công chứng phục vụ các giao dịch trên địa bàn. Tuy nhiên, công chứng viên trên địa bàn nhất định có thể thực hiện việc công chứng trên tất cả các quận, huyện, không phụ thuộc vào vị trí đặt trụ sở tổ chức hành nghề công chứng, nên việc giới hạn số lượng tổ chức hành nghề công chứng tại một đơn vị cấp quận, huyện không có ý nghĩa. Ví dụ: một công chứng viên có đủ điều kiện và khả năng (có nhà riêng tại huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị) để làm trụ sở, nhưng lại không được thành lập Văn phòng công chứng tại huyện Gio Linh do quy định về quy hoạch không cho phép thành lập thêm tổ chức hành nghề công chứng tại huyện Gio Linh. Do đó, không nên quy hoạch các tổ chức hành nghề công chứng mà để thị trường tự điều tiết, tạo sự cạnh tranh để nâng cao chất lượng dịch vụ công chứng. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện không đúng quy định của pháp luật, để hạn chế việc cạnh tranh không lành mạnh.

Ngược lại, tại các địa phương tập trung đông dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, có nhu cầu cao về công chứng thì việc giới hạn số lượng tổ chức hành nghề công chứng là quá cứng nhắc trong khi Luật không quy định cụ thể về điều kiện thành lập các Văn phòng công chứng, dễ tạo điều kiện cho tình trạng tùy tiện, xin-cho trong việc quyết định thành lập mới các Văn phòng công chứng, tạo lợi thế độc quyền cho các tổ chức hành nghề công chứng đã được thành lập, ảnh hưởng đến quyền được hành nghề của công chứng viên.

Về quyền của tổ chức hành nghề công chứng, so với Luật Công chứng 2006, Luật Công chứng 2014 có quy định 3 điểm mới: Một là, các tổ chức hành nghề công chứng được quyền ký hợp đồng việc làm, hợp đồng lao động với công chứng để làm việc cho tổ chức của mình. Quy định này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hành nghề công chứng phát triển, mở rộng quy mô của mình, đồng thời, tạo thêm môi trường để các công chứng viên hành nghề. Hai là, được quyền cung cấp dịch vụ công chứng ngoài ngày, giờ làm việc hành chính, quy định này tạo sự thuận lợi cho người dân trong thực hiện các giao dịch. Ba là, được khai thác, sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu công chứng. Quy định này tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo đảm an toàn cho các giao dịch. Ngoài ra, theo tác giả Luật Công chứng 2014 cần cho phép các tổ chức hành nghề công chứng được quảng cáo, mở chi nhánh, văn phòng đại diện để giới thiệu thông tin tới người dân, mở rộng quy mô doanh nghiệp. Đây là quyền chính đáng của một doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp. Nhà nước không có chính sách để hỗ trợ lĩnh vực công chứng thì cũng không nên hạn chế quyền của tổ chức hành nghề công chứng.

Về bồi thường thiệt hại do lỗi của công chứng viên gây ra, so với Luật Công chứng 2006, Luật Công chứng 2014 đã quy định chặt chẽ hơn về trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, việc vẫn quy định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của tổ chức hành nghề công chứng khiến áp lực tài chính đối với tổ chức hành nghề công chứng rất lớn, trong khi việc bồi hoàn của công chứng viên sẽ mất nhiều thời gian, thậm chí không bù đắp được khoản tiền mà tổ chức hành nghề công chứng đã chi trả. Do đó, điều này có thể gây mâu thuẫn giữa các công chứng viên trong tổ chức hành nghề công chứng vì lỗi của người này nhưng người khác phải chia sẻ hậu quả về mặt tài chính. Theo tác giả, Luật Công chứng 2014 cần sửa đổi theo hướng, quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho cá nhân công chứng viên, phù hợp với quy định công chứng viên chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi công chứng của mình.

Về chế độ lưu trữ hồ sơ công chứng, Luật Công chứng 2014 đã quy định thống nhất trong việc lưu trữ bản giấy văn bản công chứng và các giấy tờ khác trong hồ sơ, đều lưu trữ tối thiểu 20 năm, tạo thuận lợi cho tổ chức hành nghề công chứng trong việc lưu trữ hồ sơ. Như đã phân tích ở phần thực trạng, hồ sơ công chứng là "tính mạng" của công chứng viên, hồ sơ công chứng không chỉ là cơ sở khẳng định sự đúng/sai trong hành vi của công chứng viên mà còn là cơ sở để bảo đảm an toàn cho chuỗi các giao dịch liên quan đến tài sản trong hồ sơ. Do đó, việc bố trí diện tích để lưu trữ tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng cần đặc biệt lưu ý. Phải bố trí tối thiểu 50 m² để lưu trữ hồ sơ công chứng, có trang thiết bị cần thiết để bảo quản hồ sơ và phải có nhân sự được đào tạo chuyên môn về lưu trữ. Luật Công chứng

2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành cần phải quy định việc bảo đảm diện tích, con người, thiết bị lưu trữ là điều kiện bắt buộc trong hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, Luật Công chứng 2014 đã quy định nghĩa vụ mua bảo hiểm của tất cả các tổ chức hành nghề công chứng, không chỉ mỗi Văn phòng công chứng phải mua bảo hiểm như quy định của Luật Công chứng 2006. Qua thực tế hoạt động công chứng, có những hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn, do đó, Chính phủ cần hướng dẫn chi tiết việc mua bảo hiểm, trong đó quy định giá trị bảo hiểm tối thiểu cho mỗi hợp đồng/giao dịch được công chứng, và mức bảo hiểm này cần điều chỉnh thay đổi cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương. Tuy nhiên, Luật Công chứng 2014 không quy định cụ thể về vấn đề này, dẫn đến lặp lại tình trạng trước đây là nhiều tổ chức hành nghề công chứng hoạt động rất lâu nhưng vẫn không mua bảo hiểm cho công chứng viên. Đề bảo đảm khả thi, tác giả đề nghị, trong Đề án xây dựng Phòng công chứng (khoản 1 Điều 20) và hồ sơ đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (khoản 4 Điều 23) cần bổ sung giấy tờ chứng minh tổ chức hành nghề công chứng đã mua bảo hiểm cho các công chứng viên.

Về cơ sở dữ liệu công chứng, Luật Công chứng 2014 quy định tại Điều 62 đồng thời, Luật cũng quy định quyền (khoản 4 Điều 32) và nghĩa vụ (khoản 10 Điều 33) của tổ chức hành nghề công chứng trong việc chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu công chứng. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, hạn chế rủi ro, cần quy định việc nhập dữ liệu ngay sau khi hợp đồng được công chứng. Nếu không nhập dữ liệu ngay thì nguy cơ rủi ro vẫn cao. Thông thường, các trường hợp một nhà bán cho 2 người thường hay thực hiện trong cùng một ngày, buổi sáng bán cho 1 người, buổi chiều bán cho 1 người khác. Do đó, dữ liệu cần được cập nhật ngay lập tức sau khi giao dịch, để làm được việc này cần quy định các công chứng viên sau khi ký hợp đồng cần bàn giao ngay hồ sơ công chứng cho bộ phận cập nhật dữ liệu để cập nhật. Ngoài ra, các tổ chức hành nghề công chứng cần bố trí bộ phận chuyên trách cho việc cập nhật dữ liệu, bảo đảm nhanh chóng, chính xác nhằm ngăn chặn các phương thức lừa đảo, vi phạm pháp luật thông qua các hợp đồng, giao dịch.

3.2.1.3. Hoàn thiện quy định về thủ tục công chứng

Thủ tục chung về công chứng

** Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch*

Về thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch, Điều 40 Luật Công chứng 2014 về cơ bản vẫn được giữ nguyên như quy định của Luật Công chứng 2006 có bổ sung thêm một số quy định. Tuy nhiên, Luật Công chứng 2014 vẫn chưa giải quyết được những hạn chế, bất cập sau:

Thứ nhất, theo quy định, người yêu cầu công chứng vẫn phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện hồ sơ công chứng như phân tích trong phần thực trạng. Luật Công chứng 2014 cần quy định cho phép các tổ chức hành nghề công chứng hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ qua mạng để giảm bớt việc đi lại cho người yêu cầu công chứng, người yêu cầu công chứng chỉ phải đến trụ sở tổ chức hành nghề công chứng một lần duy nhất, đó là thời điểm các bên ký kết hợp đồng. Tuy Luật chưa quy định việc nộp hồ sơ qua mạng, nhưng các tổ chức hành nghề công chứng

trên địa bàn vẫn có thể áp dụng được. Hiện tại, nhiều tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị bắt đầu chú trọng đầu tư, xây dựng website của tổ chức mình, để quảng bá, cung cấp thông tin, tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục công chứng cho người yêu cầu công chứng. Đây là điều kiện cần thiết để có thể tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng qua mạng. Do đó, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cần chủ động đầu tư hạ tầng mạng, tuyển dụng thêm người phụ trách về công nghệ thông tin hoặc cho công chứng viên, nhân viên của tổ chức mình đi đào tạo, bồi dưỡng thêm về công nghệ thông tin.

Thứ hai, Luật Công chứng 2014 đã quy định nghĩa vụ của công chứng viên trong giải thích về hợp đồng, giao dịch. Tuy nhiên, việc giải thích này lại được đặt tại một khâu trong thủ tục công chứng, cụ thể là tại khoản 4, khi công chứng viên tiếp nhận hồ sơ. Quy định này chưa hợp lý, nghĩa vụ giải thích cần được quy định xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục, từ tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thủ tục đến thời điểm ký kết hợp đồng công chứng.

** Địa điểm công chứng*

Địa điểm công chứng được quy định tại Điều 44 Luật Công chứng 2014 vẫn được giữ nguyên như Luật Công chứng 2006, theo đó, người yêu cầu công chứng vẫn phải đến trụ sở công chứng để ký kết hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không tạo thuận lợi cho người yêu cầu công chứng, trong khi công chứng là một dịch vụ, dù là dịch vụ công đi chăng nữa thì bản chất vẫn là dịch vụ. Việc người yêu cầu công chứng muốn ký ngoài trụ sở, chấp nhận nộp phí dịch vụ ký ngoài trụ sở và công chứng viên sẵn sàng chấp nhận việc ký tại địa điểm mà người yêu cầu công chứng đề nghị, vậy tại sao nhà nước lại quy định hạn chế? Dù ở địa điểm nào thì thủ tục công chứng vẫn được tuân thủ chặt chẽ, hồ sơ, giấy tờ đầy đủ. Địa điểm công chứng không làm thay đổi bản chất, nội dung của hợp đồng, giao dịch, không làm thay đổi cách thức xác định nhân thân, tiếp nhận và thẩm tra hồ sơ công chứng theo thủ tục chặt chẽ mà Luật Công chứng đã quy định. Do đó, tác giả đề nghị sửa đổi quy định này, cho phép người yêu cầu công chứng và công chứng viên thỏa thuận về địa điểm công chứng. Tuy nhiên, cần quy định chặt chẽ về trách nhiệm của công chứng viên khi công chứng ngoài trụ sở bảo đảm tính pháp lý, tuân thủ chặt chẽ thủ tục công chứng, nâng mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công chứng.

3.2.2. *Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật công chứng, nâng cao ý thức pháp luật công chứng.*

- Đẩy mạnh các biện pháp, đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng và các quy định liên quan đến các công chứng viên đến với người dân. Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị chủ động phối hợp với địa phương, đơn vị tổ chức để các công chứng viên phổ biến, tư vấn về pháp luật công chứng theo từng cụm dân cư, đơn vị để người dân có thể nắm bắt thông tin, hiểu biết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của cá nhân và gia đình mình một cách chủ động, chính xác và đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc.

- Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền và trách nhiệm công vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, của các tổ chức đoàn thể xã hội để các chủ thể pháp luật nắm được đầy đủ các quyền và nghĩa vụ,

cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó. Đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực công chứng tại tỉnh Quảng Trị cần được nâng cao kỹ năng truyền thông về pháp luật, trách nhiệm giải thích và hướng dẫn pháp luật trong lĩnh vực mình phụ trách.

- Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và bản thân các công chứng viên cần tích cực, chủ động giao lưu, tổ chức, tham gia các Hội nghị, Hội thảo trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp đối với các tổ chức hành nghề công chứng cần tích cực, chủ động xây dựng, tổ chức chương trình Hội nghị, Hội thảo, các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công chứng cho công chứng viên, nhân viên của các tổ chức hành nghề công chứng.

- Huy động các lực lượng xã hội tham gia cùng với Nhà nước trong việc phổ biến, giải thích pháp luật đến từng người dân, từng cán bộ, công chức nhà nước và các cán bộ của tổ chức đoàn thể xã hội, tạo nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật một cách tự giác của mỗi người dân. Đồng thời, phát huy vai trò tự quản và công tác vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành pháp luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức thành viên ở cộng đồng khu dân cư.

3.2.3. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

- Chỉ đạo tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Sở Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố. Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và tổ chức hành nghề công chứng liên quan đến hoạt động công chứng. Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện và điều chỉnh phù hợp với thực tế.

- Đề đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo chất lượng dịch vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cần chỉ đạo xây dựng cơ chế thủ tục một cửa, lấy các tổ chức hành nghề công chứng (có trình độ, hiểu biết về pháp luật, các thủ tục) làm trung tâm, nhận và trả kết quả tại tổ chức hành nghề công chứng.

- Quy định bắt buộc tất cả tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn thành phố kết nối và cập nhật dữ liệu nhanh chóng, chính xác vào Chương trình quản lý thông tin ngăn chặn và thông tin về hợp đồng, giao dịch đã công chứng (UCHI).

- Triển khai thực hiện "Quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, nghiên cứu, khảo sát tình hình thực tế để điều chỉnh cho phù hợp. Đẩy mạnh xã hội hóa công chứng để huy động một lực lượng đông đảo các công chứng viên tham gia vào hoạt động công chứng.

- Nghiên cứu, xúc tiến thành lập Quỹ bảo hiểm hành nghề công chứng để hỗ trợ các tổ chức hành nghề công chứng trong việc mua bảo hiểm nghề nghiệp và bồi thường khi xảy ra thiệt hại.

- Quan tâm hỗ trợ địa điểm làm việc, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, công nghệ thông tin... cho các Phòng Công chứng để hoạt động có hiệu quả.

- Ban hành mức trần thù lao công chứng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ, bảo đảm cân bằng giữa việc tạo động lực tài chính hợp

lý cho tổ chức hành nghề công chứng, các công chứng viên hành nghề và thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3.2.4. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm

- Đẩy mạnh hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Trị đối với pháp luật về công chứng. Trên cơ sở Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, Luật hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, hoạt động giám sát cần đi vào thực chất, tổ chức giám sát chuyên đề, nội dung tập trung vào các vấn đề nổi cộm hiện nay như chất lượng công chứng viên, chất lượng văn bản công chứng, việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng..., tăng cường đối thoại, làm việc với cá nhân, tổ chức yêu cầu công chứng để điều chỉnh hoạt động áp dụng pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả. Tăng cường phối hợp giám sát giữa ba cơ quan trong lĩnh vực công chứng nhằm tiết kiệm kinh phí, tăng chất lượng, hiệu quả giám sát. Ngoài ra, cần kết hợp giữa hoạt động giám sát và hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm tại các tổ chức hành nghề công chứng, đặc biệt là xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm của công chứng viên, bảo đảm việc thực hiện pháp luật công chứng luôn đúng đắn và chính xác. Thanh tra của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị cần thực hiện các nội dung thanh tra chuyên đề, tổ chức thanh tra trực tiếp, toàn diện các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Để hoạt động này được thực hiện tốt, cần hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan thanh tra, tăng cường số lượng cũng như chất lượng cán bộ, công chức thanh tra, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kinh nghiệm cũng lĩnh vực thanh tra cũng như lĩnh vực công chứng, không chỉ nắm vững quy định của pháp luật mà còn phải có kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động công chứng.

- Tăng cường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, công chứng viên, người yêu cầu công chứng trong hoạt động công chứng. Bảo đảm mọi hành vi trái pháp luật đều bị xử lý, bất kể người vi phạm có vị trí xã hội, nghề nghiệp, thành phần xuất thân nào. Việc xử lý cần nghiêm minh, kịp thời, không thiên vị, đặc biệt là đối với hành vi trái pháp luật của các công chứng viên vì hành vi trái pháp luật của công chứng viên sẽ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng đến an toàn pháp lý của hợp đồng, giao dịch, gây mất trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong công tác tổ chức thực hiện pháp luật, nhân rộng các hình thức thu hút đông đảo nhân dân tham gia đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật ngay tại khu dân cư. Thực hiện tốt công tác khen thưởng đối với tập thể, gia đình, cá nhân và khu dân cư thực hiện tốt việc chấp hành pháp luật; khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân tích cực trong công tác truyền thông, vận động chấp hành pháp luật ở cơ sở, cộng đồng dân cư.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hoạt động công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị cho thấy, chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực công chứng là đúng đắn, đã tạo điều kiện thuận tiện cho người dân trong việc thực hiện các yêu cầu công chứng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đặc biệt, hoạt động công chứng đã góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa các tranh chấp, khiếu nại trong lĩnh vực giao dịch hợp đồng vay vốn cũng như giao dịch bảo đảm nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay vốn trong sản xuất kinh doanh vốn phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ tranh chấp. Không thể phủ nhận công chứng là "lá chắn" phòng ngừa hữu hiệu, đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, tiết kiệm thời gian, chi phí cho xã hội, giảm thiểu "gánh nặng" pháp lý cho Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự.

Tuy nhiên, qua 05 năm thi hành, việc thực hiện pháp luật công chứng cho thấy vẫn còn những bất cập, hạn chế nhất định. Để thực hiện pháp luật công chứng hợp đồng vay vốn trong sản xuất, kinh doanh đi vào cuộc sống, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đưa ra một số định hướng và giải pháp cụ thể bảo đảm thực hiện pháp luật công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên các phương diện: công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng và thủ tục công chứng. Các giải pháp đưa ra quán triệt định hướng về việc bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, bảo đảm khả thi, bảo đảm an toàn pháp lý và thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp nhằm mục tiêu bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia giao dịch, đáp ứng yêu cầu công cuộc phát triển kinh tế, cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.
